TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 9 - HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 04 - 02 - 2026
"Về ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 – HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đào Thị Hậu.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Bạn và ông Nguyễn Văn Thành

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Phạm Thị Mai Hoa - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 9 - Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Hải Phòng tham gia phiên toà: Bà Đỗ Thị Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 02 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 – Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 342/2025/TLST - HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2025 về "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 94/2025/QĐXXST - HNGĐ ngày 30/12/2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2025/QĐST - HNGĐ ngày 15/01/2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1987; số căn cước công dân: 030187009814; địa chỉ: Tổ dân phố N, phường C, thành phố Hải Phòng; nơi đăng ký tạm trú và nơi ở hiện nay: Tổ dân phố Đ, phường L, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt);

- *Bị đơn*: Anh Trần Mạnh D, sinh năm 1983; số căn cước công dân: 030083003444; nơi đăng ký thường trú: Tổ dân phố N, phường C, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt (không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Mạnh D kết hôn với nhau ngày 23/9/2010, trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã C, thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương (nay là phường C, thành phố Hải Phòng) và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Sau ngày cưới, anh chị về chung sống với nhau tại thôn N, xã C, thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương (nay là: Tổ dân phố N, phường C, thành phố Hải Phòng). Anh chị sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, bất đồng về kinh tế, anh D không quan tâm đến vợ con. Đến tháng 8/2018 chị đưa các con về nhà bố mẹ đẻ ở thôn Đ, xã A, thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương (nay là tổ dân phố Đ,

phường L, thành phố Hải Phòng) sống, vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Tết nguyên đán năm 2019 anh D có đến tìm đón chị về đoàn tụ nhưng do mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên chị không về đoàn tụ. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể về chung sống với nhau được nữa nên chị giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn anh D.

Về quan hệ con chung: Chị và anh D có 02 con chung là: Trần Nguyễn Bảo C, sinh ngày 01/4/2012 và Trần Anh T1 sinh ngày 06/01/2017, hiện đang sống cùng chị. Khi ly hôn chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung và tự nguyện không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con chung với chị.

Về quan hệ tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn là anh Trần Mạnh D đã được Tòa án nhiều lần triệu tập đến làm việc và được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng: Thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn không đến Tòa án làm việc.

- *Theo công văn số 4336/XNC – DD1 ngày 09/12/2025 của Phòng quản lý xuất nhập cảnh Công an thành phố Hải Phòng thể hiện*: Qua kiểm tra trong cơ sở dữ liệu hiện hành không thấy thông tin xuất, nhập cảnh của anh Trần Mạnh D.

- *Theo xác minh tại tổ dân phố N, phường C, thành phố Hải Phòng*: Theo phản ánh của dư luận tại địa phương quá trình chung sống anh Dũng và chị T có mâu thuẫn và đã không còn chung sống cùng nhau khoảng 2 - 3 năm nay, chị T đưa các con về nhà bố mẹ đẻ sống, còn anh D hiện không sống tại địa phương. Địa phương không nắm được hiện nay anh D đang sinh sống và làm việc ở đâu, nhưng anh D vẫn đăng ký thường trú tại địa phương.

- *Người làm chứng là ông Trần Văn D1 và bà Nguyễn Thị D2 trình bày*: Ông bà là bố mẹ của anh D. Sau khi kết hôn, anh D và chị T về chung sống với nhau tại nhà ông bà. Sau một thời gian chung sống anh chị phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh chị bất đồng quan điểm sống. Năm 2020 - 2021 gia đình đã họp và hòa giải cho anh chị nhưng anh chị vẫn không khắc phục được mâu thuẫn và mâu thuẫn của anh chị ngày càng trầm trọng, chị T đưa các con về sống cùng bố mẹ đẻ, vợ chồng anh chị không sống cùng nhau khoảng 3 - 4 năm nay. Từ tháng 10/2024 đến nay anh D đi làm ăn xa và không liên lạc về nhà nên ông bà không biết địa chỉ hiện nay anh D đang sinh sống và làm việc. Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Trần Nguyễn Bảo C, sinh năm 2012 và Trần Anh T1, sinh năm 2017, hiện đang sống cùng chị T. Nếu anh chị ly hôn, chị T xin nuôi cả hai cháu thì gia đình ông bà cũng nhất trí vì anh D hiện không có mặt ở nhà nên không trực tiếp nuôi dưỡng con cái được. Anh chị không có tài sản chung, không có nợ chung và không có công sức đóng góp với gia đình ông bà.

- Cháu C và cháu T1 đều có nguyện vọng xin được ở với mẹ.

- *Tại phiên tòa:*

Chị Nguyễn Thị T vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Trần Mạnh D vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Hải Phòng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử: Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chị Nguyễn Thị T, cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Trần Mạnh D. Về quan hệ con chung: Giao cả 02 con chung là: Trần Nguyễn Bảo C, sinh ngày 01/4/2012 và Trần Anh T1 sinh ngày 06/01/2017 cho chị T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Chị T tự nguyện không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con chung với chị. Về quan hệ tài sản: Không đặt ra giải quyết. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Tòa án thụ lý vụ án về "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*", bị đơn là anh Trần Mạnh D có nơi cư trú cuối cùng tại: Tổ dân phố N, phường C, thành phố Hải Phòng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 9 - Hải Phòng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản, Luật hòa giải - đối thoại Tòa án số 85/20025/QH15 ngày 25/6/2025; Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 về hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các tòa án nhân dân.

Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị T vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn là anh Trần Mạnh D 02 lần vắng mặt tại phiên toà không có lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt chị T, anh D.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy rằng:

Chị T và anh D kết hôn với nhau ngày 23/9/2010, trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã C, thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương (nay là phường C, thành phố Hải Phòng), nên xác định quan hệ hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp. Hội đồng xét xử xét thấy quá trình chung sống giữa chị T và anh D có mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, bất đồng về làm ăn kinh tế. Anh chị mâu thuẫn trầm trọng và ly thân nhiều năm nay không còn quan tâm đến nhau. Chị T giữ nguyên

yêu cầu xin ly hôn anh D, còn anh D hiện không có mặt ở địa phương, không có quan điểm gửi cho Tòa án. Việc anh chị không quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; không cùng nhau chia sẻ, thực hiện công việc gia đình; không sống chung với nhau đã vi phạm nghĩa vụ vợ chồng quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, xử cho chị T được ly hôn anh D.

Về quan hệ con chung: Chị T và anh D có 02 con chung là: Trần Nguyễn Bảo C, sinh ngày 01/4/2012 và Trần Anh T sinh ngày 06/01/2017, hiện đang sống cùng chị T. Chị T đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung khi ly hôn và tự nguyện không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con chung với chị. Cháu C và cháu T1 xin được ở với mẹ. Do vậy, cần giao cháu C và cháu T1 cho chị T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng và không đặt ra việc cấp dưỡng nuôi con chung với anh D. Như vậy phù hợp với nguyện vọng của các con chung, đảm bảo được quyền và lợi ích hợp pháp của các con chung.

Về quan hệ tài sản: Chị T không yêu cầu Toà án giải quyết, anh D không có ý kiến nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Chị T là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản, Luật hòa giải – đối thoại Tòa án số 85/20025/QH15 ngày 25/6/2025; Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 về hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các tòa án nhân dân; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Thơm, cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Trần Mạnh D.

- Về quan hệ con chung: Giao cả hai con chung Trần Nguyễn Bảo C, sinh ngày 01/4/2012 và Trần Anh T1 sinh ngày 06/01/2017 cho chị T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Chị T tự nguyện không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi các con chung với chị.

Anh Trần Mạnh D có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Về quan hệ tài sản: Không đặt ra giải quyết.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Thơm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí ký hiệu: BLTU/25E số: 0006211 ngày 11/11/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Chị T đã nộp đủ án phí.

- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

***Nơi nhận*:**
- VKSND khu vực 9 - Hải Phòng;
- Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng;
- Phòng GĐKT, TT & THA Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng;
- UBND phường Chí Linh, thành phố Hải Phòng (ghi sổ hộ tịch số 48, quyển 1 ngày 23/9/2010 của UBND xã cổ thành, TX. Chí Linh, tỉnh Hải Dương cũ);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đào Thị Hậu